TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé và bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bích H, sinh ngày 19/10/1986, số căn cước công dân 089186013096; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C (nay là xã L), tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh ngày 26/03/1985, số chứng minh nhân dân 351847895, số căn cước công dân 089085016903; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C (nay là xã C), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Thị Bích H trình bày: Bà Ngô Thị Bích H và ông Lê Hoàng M tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2009, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, dùng những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng. Vợ chồng đã sống ly thân hai năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M. Về con chung bà H và ông M có 02 con chung tên là Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 05/03/2011, Lê Hoàng Bảo Q, sinh ngày 16/04/2018. Con tên Lê Hoàng Bảo Q hiện đang sống chung với bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu câu ông M cấp đưỡng; Con tên là Lê Hoàng Bảo L hiện đang sống chung với ông M, khi ly hôn, bà H đồng ý cho ông M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà H không cấp dưỡng; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về vợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hoàng M trình bày: Ông M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà Ngô Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ý kiến của ông M là không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Vợ chồng có đăng ký kết hôn. Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 05/03/2011, Lê Hoàng Bảo Q, sinh ngày 16/04/2018. Trong trường hợp Tòa án giải quyết mà cho vợ chông ly hôn thì đối với con tên Lê Hoàng Bảo Q hiện đang sống chung với bà H, khi ly hôn ông M đồng ý để bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; đối với con tên là Lê Hoàng Bảo L hiện đang sống chung với ông M, ông M yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết; về vợ chung: không có. Tại phiên hòa giải ông M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị hoãn phiên hòa giải để ông M hàn gắn tình cảm vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Lê Hoàng M. Ông M có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Lê Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Ngô Thị Bích H và ông Lê Hoàng M là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 142 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 12/08/2009. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, dùng những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng. Vợ chồng đã sống ly thân hai năm. Hội đồng xét xử thấy rằng bà H xin ly hôn với ông M, bà H, ông M sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án hoãn phiên hòa giải đã tạo điều kiện để ông M hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông M đã

không hàn gắn được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Bích H và ông Lê Hoàng M cùng xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 05/03/2011, Lê Hoàng Bảo Q, sinh ngày 16/04/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M, bà H đã có ý kiến là trường hợp Tòa án giải quyết mà cho vợ chồng ly hôn thì đối với con tên Lê Hoàng Bảo Q hiện đang sống chung với bà H, khi ly hôn ông M đồng ý để bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; đối với con tên là Lê Hoàng Bảo L hiện đang sống chung với ông M, ông M được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, các con chung đang được ông M, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Hội đồng xét xử giao cháu Lê Hoàng Bảo Q cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoàng Bảo L cho ông Lê Hoàng M được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị Bích H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bích H.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Bích H ly hôn với ông Lê Hoàng M.

2) Về con chung: Bà Ngô Thị Bích H được tiếp tục nuôi con chung là Lê Hoàng Bảo Q, sinh ngày 16/04/2018; Ông Lê Hoàng M được tiếp tục nuôi con chung là Lê Hoàng Bảo L, sinh ngày 05/03/2011.

Bà Ngô Thị Bích H, ông Lê Hoàng M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở cho nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Ngô Thị Bích H khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Ngô Thị Bích H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009557 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Ngô Thị Bích H đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Long Điền, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng